

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/DS-ST

Ngày: 10/7/2024

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Trần Ngọc Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLST– DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm: 1990 và bà Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ cư trú: Nhà số A Đường P, khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị D, sinh năm 1974; Địa chỉ: nhà số D, Đường số A, Đường T, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: số D, đường P, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị Diễm P do bà Lê Thị D đại diện trình bày:

Do quen biết nên vợ chồng ông V, bà P có cho bà N vay tiền như sau:

Ngày 21/3/2022, cho vay 30.000.000 đồng.

Ngày 18/5/2022, cho vay 10.000.000 đồng.

Ngày 10/02/2023, cho vay 10.000.000 đồng.

Ngày 28/4/2023 cho vay 5.400.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng ông **V**, bà **P** đã cho bà **N** vay là 55.400.000 đồng.

Khi vay, bà **N** có viết giấy nợ và hai bên thoả thuận lãi suất vay là 3%/tháng, không thế chấp tài sản, không thoả thuận thời hạn trả, khi nào vợ chồng ông **V**, bà **P** cần lấy lại tiền thì thông báo trước 01 tháng. Từ khi vay tới nay, vợ chồng ông **V**, bà **P** đã nhiều lần đòi tiền gốc và tiền lãi nhưng bà **N** không thực hiện việc trả tiền như thoả thuận. Ông **V**, bà **P** yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà **N** trả số tiền nợ gốc là 55.400.000 đồng và lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày vay tới ngày xét xử.

Bị đơn bà **Trịnh Thị N** không đến Toà án làm việc, không gửi bản tự khai nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **V**, bà **P**. Buộc bà **N** trả cho ông **V**, bà **P** số tiền nợ gốc là 55.400.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông **Nguyễn Quang V** và bà **Nguyễn Thị Diễm P** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp tiền vay nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà **Trịnh Thị N** cư trú tại **thành phố T** nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn bà **Trịnh Thị N** được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng

vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông V và bà P yêu cầu bà bà Trịnh Thị N trả số tiền nợ gốc 55.400.000 đồng:

Xét các chứng cứ ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị Diễm P cung cấp:

Giấy mượn tiền ngày 21/3/2022 có nội dung: Hôm nay, ngày 21/03/2022 nhằm ngày 19/02/2022. Tôi tên Trịnh Thị N, sinh ngày 01/01/1984, CMND số 091184000 cấp ngày 10/05/2021. Hiện ngụ số D, khu phố B, phường A, T, TN có mượn của vợ chồng anh Nguyễn Quang V, sinh ngày 11/08/1990, CMND số: 07209000664 ngày 16/06/2020 và chị Nguyễn Thị Diễm P, sinh ngày 10/12/1991, CMND số 072191004432 cấp ngày 10/6/2020 số tiền 30.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn), lý do mượn việc riêng. Người mượn tiền Trịnh Thị N”

Giấy mượn tiền ngày 18/5/2022, có nội dung: “Hôm nay, ngày 18/05/2022 nhằm ngày 18/04/2022. Tôi tên Trịnh Thị N, sinh ngày 01/01/1984, CMND số 091184000 cấp ngày 10/05/2021. Có mượn của vợ chồng anh Nguyễn Quang V, sinh ngày 11/08/1990, CMND số: 07209000664 ngày 16/06/2020 và chị Nguyễn Thị Diễm P, sinh ngày 10/12/1991, CMND số 072191004432 cấp ngày 10/6/2020 số tiền 10.000.000 đồng (bằng chữ: mười triệu đồng chẵn), lý do mượn việc riêng. Người mượn tiền Trịnh Thị N”

Giấy mượn tiền ngày 10/02/2023, có nội dung: “Hôm nay, ngày 10/02/2023 nhằm ngày 20/01/2023. Tôi tên Trịnh Thị N, sinh ngày 01/01/1984, CMND số 091184000 cấp ngày 10/05/2021. Hiện ngụ D Đường P, khu phố B, phường A, TPTN. Có mượn của vợ chồng anh Nguyễn Quang V, sinh ngày 11/08/1990, CMND số: 07209000664 ngày 16/06/2020 và chị Nguyễn Thị Diễm P, sinh ngày 10/12/1991, CMND số 072191004432 cấp ngày 10/6/2020 số tiền 10.000.000 đồng (bằng chữ: mười triệu đồng chẵn), lý do mượn việc riêng. Người mượn tiền Trịnh Thị N”

Giấy mượn tiền ngày 28/4/2023, có nội dung: “Hôm nay, ngày 28/04/2023 nhằm ngày 9/03/2023. Tôi tên Trịnh Thị N, sinh ngày 01/01/1984, CMND số 091184000 cấp ngày 10/05/2021. Hiện ngụ D Đường P, khu phố B, phường A, TPTN. Có mượn của vợ chồng anh Nguyễn Quang V, sinh ngày 11/08/1990, CMND số: 07209000664 ngày 16/06/2020 và chị Nguyễn Thị Diễm P, sinh ngày 10/12/1991, CMND số 072191004432 cấp ngày 10/6/2020 số tiền 5.400.000 đồng (bằng chữ: mười triệu đồng chẵn). Người mượn tiền Trịnh Thị N”

Cả 03 giấy vay có nội dung rõ ràng, không bị sửa chữa, tẩy xóa, mục người mượn tiền có ký tên và lăn tay. Bà N không có ý kiến phản đối các chứng cứ

ông V và bà N cung cấp nên có căn cứ xác định bà N vay tiền của ông V, bà P tổng cộng 04 lần với số tiền tổng cộng là 55.400.000 đồng. Ông V và bà P cho rằng bà N còn nợ 55.400.000 đồng tiền gốc chưa trả, bà N cũng không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định bà N còn nợ ông V và bà P số tiền gốc là 55.400.000 đồng.

Về thời hạn vay, giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay, ông V và bà N cho rằng vay không có thời hạn, khi muốn lấy lại tiền nợ gốc thì phải báo trước cho bà N 01 tháng. Bà N không có ý kiến gì với lời trình bày của ông V, bà P nên có căn cứ xác định tất cả 04 khoản tiền vay là khoản vay không có thời hạn. Ông V, bà P cho rằng bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi và nợ gốc nhưng không có căn cứ chứng minh thời điểm vi phạm nên căn cứ xác định bà N vi phạm nghĩa vụ của bên vay là ngày khởi kiện tại Tòa án.

[3] Về yêu cầu tính lãi của của ông V và bà P đối với các khoản tiền vay theo quy định pháp luật thấy rằng: Theo chứng cứ là giấy vay thì trong giấy vay không có thỏa thuận lãi suất nhưng trong quá trình làm việc ông V và bà P trình bày lãi suất là 3%/tháng. Ngoài lời trình bày, ông V, bà P không có chứng cứ gì thể hiện lãi suất vay là 3%/tháng nên lãi suất quá hạn xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Về thời gian tính lãi ông V, bà P yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay thấy rằng các giấy vay không có thời hạn trả, không có thể hiện lãi suất do đó căn cứ xác định lãi là ngày khởi kiện tại Tòa án, ngày 19/01/2024. Số tiền lãi bà N phải trả cho ông V, bà P tới ngày xét xử được tính như sau: 55.400.000 đồng x 10%/năm x 05 tháng 21 ngày = 2.631.500 đồng

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V, bà P. Buộc bà N trả cho ông V, bà P số tiền nợ gốc là 55.400.000 và lãi là 2.631.500 đồng.

[4] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông V, bà P được Tòa án chấp nhận nên bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Quang V** và bà **Nguyễn Thị Diễm P** đối với bà **Trịnh Thị N** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà **Trịnh Thị N** trả cho ông **Nguyễn Quang V** và bà **Nguyễn Thị Diễm P** số tiền nợ gốc là 55.400.000 (năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn) đồng và tiền lãi là 2.631.500 (hai triệu sáu trăm ba mươi một ngàn năm trăm) đồng, tổng cộng là 58.031.500 (năm tám triệu không trăm ba mươi một ngàn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Trịnh Thị N** phải chịu 2.901.600 (hai triệu chín trăm lẻ một ngàn sáu trăm) đồng.

- Ông **Nguyễn Quang V** và bà **Nguyễn Thị Diễm P** không phải chịu án phí. Được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.385.000 (một triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 0002347 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa